

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Vạn và ông Đinh Xuân Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; CCCD số: 042178013049; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Xuân L, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Anh Lê Xuân L và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 16/3/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là thành phố G, tỉnh Đắk Nông) trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không tìm được tiếng nói chung, anh L thường xuyên gây gổ, đánh đập chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình, hàng xóm và chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không thể đoàn tụ nên đã sống ly thân 09 năm. Nay chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lê Xuân L. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Chí C, sinh năm 1999 và Lê Chí D, sinh năm 2002; các con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị đã tự giải quyết xong về vấn đề tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Xuân L trình bày:

Anh chị chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 16/3/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là thành phố G, tỉnh Đắk Nông) trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Từ năm 2015 đến nay do có mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân. Anh đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không còn chung sống nhưng phải đồng thời phân chia tài sản chung của vợ chồng. Về con chung: Anh chị có 02 con chung đều đã trưởng thành như chị T trình bày.

Ngày 24/11/2024 anh L có đơn phản tố yêu cầu phân chia tài sản khi ly hôn, ngày 05/12/2024 Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng và giao thông báo này cho anh L nhưng anh không thực hiện việc đóng tiền tạm ứng án phí, vì vậy ngày 17/12/2024 Tòa án đã trả lại đơn phản tố yêu cầu chia tài sản của anh L.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa xác định việc chấp hành của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Các đương sự đều chấp hành nghiêm các quy định của BLTTDS. Về quan điểm giải quyết, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Xuân L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Xuân L chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định. Ngày 27/9/2024 chị Nguyễn Thị T nộp đơn xin ly hôn với anh Lê Xuân L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Xuân L đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; vì vậy Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Xuân L kết hôn tự nguyện và có đăng ký vào ngày 16/3/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là thành phố G, tỉnh Đắk Nông). Vào thời điểm kết hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Lê Xuân L tự nguyện và đều đã đủ tuổi kết hôn, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T: Chị cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, anh L còn có hành vi gây gổ, đánh đập chị. Phía anh L cũng thừa nhận hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, chị T xin ly hôn thì anh đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa anh chị là có thật, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân ban đầu của anh chị không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có cơ sở, cần chấp nhận.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Chí C, sinh năm 1999 và Lê Chí D, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L có đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng không đóng tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã trả lại đơn phản tố cho anh L, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Xuân L.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Xuân L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007375 ngày 14 tháng 10 năm 2024 tại Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố GN;
- Chi cục THADS thành phố GN;
- UBND phường Nghĩa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Yến